

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 04

Quyền sử dụng đất ở đối với 64 thửa đất thuộc Dự án Hạ tầng kỹ thuật phát triển quỹ đất cụm Trung tâm (vùng đất làng thôn Trường Niên) tại xã Hàm Ninh (nay là xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị)

(Kèm theo Thông báo công khai việc đấu giá tài sản ngày 03 tháng 10 năm 2025)

TT	Thửa đất số	Tờ BĐDC số	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền mua hồ sơ mời TGDG (đồng)	Ghi chú
1	1210	7	230,0	575.000.000	100.000.000	100.000	
2	1212	7	230,0	575.000.000	100.000.000	100.000	
3	1213	7	230,0	575.000.000	100.000.000	100.000	
4	1243	7	218,5	546.250.000	100.000.000	100.000	
5	1242	7	218,5	546.250.000	100.000.000	100.000	
6	1245	7	218,5	546.250.000	100.000.000	100.000	
7	1209	7	200,0	500.000.000	100.000.000	100.000	
8	1208	7	200,0	500.000.000	100.000.000	100.000	
9	1216	7	200,0	500.000.000	100.000.000	100.000	
10	1218	7	190,0	475.000.000	85.000.000	100.000	
11	1241	7	190,0	475.000.000	85.000.000	100.000	
12	1240	7	190,0	475.000.000	85.000.000	100.000	
13	1246	7	190,0	475.000.000	85.000.000	100.000	
14	1191	7	200,0	460.000.000	85.000.000	100.000	
15	1206	7	200,0	460.000.000	85.000.000	100.000	
16	1205	7	200,0	460.000.000	85.000.000	100.000	
17	1219	7	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
18	1238	7	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	



19	1237	7	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
20	1236	7	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
21	1192	7	200,0	460.000.000	85.000.000	100.000	
22	1204	7	200,0	460.000.000	85.000.000	100.000	
23	1203	7	200,0	460.000.000	85.000.000	100.000	
24	1221	7	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
25	1222	7	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
26	1235	7	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
27	1234	7	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
28	1247	7	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
29	1194	7	200,0	460.000.000	85.000.000	100.000	
30	1195	7	200,0	460.000.000	85.000.000	100.000	
31	1223	7	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
32	1224	7	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
33	1225	7	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
34	1232	7	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
35	1231	7	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
36	1196	7	230,0	529.000.000	85.000.000	100.000	
37	1197	7	230,0	529.000.000	100.000.000	100.000	
38	1198	7	240,5	663.780.000	100.000.000	100.000	02 mặt tiền
39	1226	7	263,5	727.260.000	140.000.000	100.000	02 mặt tiền
40	1229	7	230,0	529.000.000	100.000.000	100.000	
41	1248	7	230,0	529.000.000	100.000.000	100.000	
42	1409	11	218,5	546.250.000	100.000.000	100.000	
43	1410	11	218,5	546.250.000	100.000.000	100.000	
44	1431	11	218,5	546.250.000	100.000.000	100.000	

45	1430	11	218,5	546.250.000	100.000.000	100.000	
46	1433	11	264,5	793.500.000	140.000.000	100.000	02 mặt tiền
47	1436	11	254,0	762.000.000	140.000.000	100.000	02 mặt tiền
48	1435	11	207,0	517.500.000	100.000.000	100.000	
49	1438	11	207,0	517.500.000	100.000.000	100.000	
50	1439	11	207,0	517.500.000	100.000.000	100.000	
51	1441	11	207,0	517.500.000	100.000.000	100.000	
52	1440	11	207,0	517.500.000	100.000.000	100.000	
53	1442	11	280,0	840.000.000	140.000.000	100.000	02 mặt tiền
54	1411	11	190,0	475.000.000	85.000.000	100.000	
55	1412	11	190,0	475.000.000	85.000.000	100.000	
56	1429	11	190,0	475.000.000	85.000.000	100.000	
57	1428	11	246,5	739.500.000	140.000.000	100.000	02 mặt tiền
58	1414	11	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
59	1426	11	257,5	710.700.000	140.000.000	100.000	02 mặt tiền
60	1416	11	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
61	1417	11	190,0	437.000.000	85.000.000	100.000	
62	1425	11	274,0	756.240.000	140.000.000	100.000	02 mặt tiền
63	1422	11	280,5	774.180.000	140.000.000	100.000	02 mặt tiền
64	1424	11	285,0	786.600.000	140.000.000	100.000	02 mặt tiền
Tổng cộng: 64 thửa đất			13.580,5	33.740.010.000	6.265.000.000	6.400.000	

